
TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG ĐẾN NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG TỈNH HÀ GIANG: CÁCH TIẾP CẬN TỪ PHƯƠNG PHÁP CHUYỂN DỊCH TỶ TRỌNG

Đinh Hồng Linh

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên

Email: dhlh23@gmail.com

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên

Email: ntthuyen@tueba.edu.vn

Nguyễn Thị Lan Anh

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên

Email: lananhkth@gmail.com

Ngày nhận: 29/4/2021

Ngày nhận bản sửa: 10/5/2021

Ngày duyệt đăng: 15/5/2021

Tóm tắt:

Nghiên cứu này nhằm phân tích đặc điểm năng suất lao động và lượng hóa tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động đến tăng trưởng năng suất lao động tỉnh Hà Giang trong giai đoạn 2015-2019. Sử dụng phương pháp phân tích chuyển dịch tỷ trọng, kết quả nghiên cứu cho thấy tăng trưởng năng suất lao động tỉnh Hà Giang là do hiệu ứng dịch chuyển tỉnh và tăng năng suất lao động nội ngành, khiến lao động dịch chuyển sang các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ có năng suất lao động cao hơn. Trong khi đó, hiệu ứng dịch chuyển động có tác động ngược chiều, phản ánh sự thay đổi tỷ trọng lao động chưa tương xứng với mức gia tăng năng suất lao động của tỉnh. Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số kiến nghị đã được đề xuất nhằm cải thiện chất lượng tăng năng suất lao động của tỉnh Hà Giang.

Từ khóa: Tăng trưởng kinh tế, tỉnh Hà Giang, lao động, năng suất lao động, phân tích chuyển dịch tỷ trọng.

Mã JEL: C02, E24, J24.

Impact of labor structural changes on productivity in Ha Giang: A shift-share analysis approach

Abstract:

This study aims to investigate the characteristics of labor productivity and quantify the impacts of labor structure changes on productivity growth in Ha Giang province over the period 2015-2019. Using shift-share analysis, the results show that labor productivity growth in Ha Giang was the result of the static-shift and within-growth effect, causing more labor resource movement toward higher productivity industries such as industry and construction, service sectors. Meanwhile, the negative impact of dynamic-shift effect reveals that the change in the employment share was not commensurate with the increase in labor productivity of the province. Based on the findings, some recommendations are proposed for improving the quality of labor productivity growth in Ha Giang.

Keywords: Economic growth, Ha Giang, labor, productivity, shift-share analysis.

JEL Codes: C02, E24, J24.

1. Đặt vấn đề

Năng suất lao động là một trong những chủ đề luôn thu hút được sự quan tâm của các chuyên gia kinh tế và nhà hoạch định chính sách trong lĩnh vực tăng trưởng và phát triển. Kuznet (1979) cho rằng một nền kinh tế không thể đạt được tốc độ tăng trưởng cao nếu tỷ trọng các ngành kinh tế không có sự dịch chuyển một cách tương xứng. Sự dịch chuyển này chính là yếu tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và cải thiện năng suất lao động (Maddison, 1987). Với giả định có sự dư thừa lao động ở những khu vực có năng suất thấp (như nông nghiệp), Maddison (1987) lập luận rằng năng suất lao động sẽ tăng nếu có sự chuyển dịch lao động sang ngành có năng suất cao hơn (như công nghiệp), từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Năng suất lao động được tính bằng tỷ lệ tương quan giữa sản lượng đầu ra so với đầu vào, trong đó giá trị đo lường đầu vào và đầu ra phụ thuộc từng đối tượng nghiên cứu. Trong phạm vi nền kinh tế, năng suất lao động được đo lường thông qua giá trị tổng sản phẩm quốc nội (GDP) (không bao gồm thuế và trợ cấp sản phẩm) bình quân đầu người lao động. Chịu tác động bởi nhiều yếu tố, ví dụ như vốn, mức độ thành thạo và trình độ của người lao động (Arvanitis, 2005), ứng dụng sáng chế khoa học, Internet (Kurt & Kurt, 2015), năng suất lao động không chỉ phản ánh hiệu quả sử dụng lao động mà còn thể hiện mức độ cạnh tranh của nền kinh tế. Tuy nhiên, năng suất lao động cũng bị tác động mạnh mẽ bởi quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Khi kinh tế phát triển ở giai đoạn càng thấp thì chuyển dịch cơ cấu kinh tế sẽ có vai trò càng lớn đối với tăng năng suất lao động. Tại Việt Nam, dù năng suất lao động đã thu hút được sự quan tâm của các nhà hoạch định chính sách cả ở cấp trung ương và địa phương, nhưng nhiều nghiên cứu đều cho thấy năng suất lao động còn chưa thực sự đáp ứng kỳ vọng. Cụ thể, Nguyễn Quốc Tế & Nguyễn Thị Đông (2013) đã chỉ ra rằng năng suất lao động ở Việt Nam tăng lên chủ yếu nhờ vào chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực nông nghiệp có năng suất thấp chuyển sang khu vực công nghiệp và dịch vụ với năng suất cao hơn. Trong khi đó, Nguyễn Đức Thành (2018) sử dụng phương pháp phân tích chuyển dịch cơ cấu phân rã tăng trưởng năng suất lao động và chỉ ra rằng tăng trưởng năng suất lao động ở Việt Nam đang chuyển dần từ phụ thuộc vào cường độ vốn sang phụ thuộc vào năng suất yếu tố tổng hợp (TFP). Đây là các chỉ tiêu quan trọng phản ánh năng suất của nền kinh tế. Tuy nhiên, dù tăng trưởng của Việt Nam vẫn còn chưa đạt mức tiềm năng nhưng thu nhập bình quân đầu người còn rất thấp (Vũ Minh Khương, 2016). Chính vì vậy, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao năng suất lao động vẫn là điều kiện cần để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế không chỉ trên phạm vi tổng thể quốc gia mà cả ở cấp độ địa phương.

Là một tỉnh vùng cao biên giới phía Bắc Việt Nam, Hà Giang có vị trí địa chính trị quan trọng với nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển du lịch, kinh tế biên mậu, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế toàn tỉnh. Mặc dù vậy, kinh tế Hà Giang chỉ đang ở giai đoạn từng bước ra khỏi tình trạng kém phát triển¹. Để thu hẹp khoảng cách phát triển so với các tỉnh thành trong cả nước, Hà Giang cũng xác định nâng cao năng suất lao động là một trong những mục tiêu hàng đầu, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Trước thực tế đó, nghiên cứu này nhằm phân tích thực trạng năng suất lao động của tỉnh Hà Giang trong thời gian qua, đồng thời đánh giá vai trò của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến năng suất lao động của tỉnh. Kết quả nghiên cứu là căn cứ quan trọng để tỉnh đề xuất các chính sách sử dụng nguồn nhân lực một cách hiệu quả, thực hiện mục tiêu tăng năng suất lao động và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng trong dài hạn.

Nghiên cứu này được kết cấu thành năm phần: sau phần đặt vấn đề và tổng quan các công trình nghiên cứu về năng suất lao động và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phần phương pháp nghiên cứu sẽ giải thích chi tiết phương pháp phân tích chuyển dịch tỷ trọng nhằm đánh giá các yếu tố tác động đến năng suất lao động. Phần kết quả nghiên cứu cung cấp thông tin tổng quát về năng suất lao động của tỉnh Hà Giang và phân tích tác động của các yếu tố đến năng suất lao động của tỉnh bằng phương pháp phân tích chuyển dịch tỷ trọng. Phần cuối cùng là kết luận và gợi mở chính sách.

2. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Những nghiên cứu gần đây về tăng trưởng kinh tế có xu hướng tập trung giải thích động lực hoặc yếu tố cản trở đến sự tăng trưởng kinh tế, trong đó nghiên cứu tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động đến tăng trưởng năng suất lao động được nhiều học giả quan tâm. Kế thừa từ nghiên cứu tiên phong của Fabricant (1942) khi đánh giá mức độ đóng góp của dịch chuyển ngành đến tăng trưởng, gần đây có nhiều nghiên cứu tiêu biểu có thể kể tới như Timmer & Szirmai (2000), Havlik (2005), Timmer & de Vries (2009). Điểm chung của các nghiên cứu này là đã phát triển phương pháp phân tích tỷ trọng để khắc phục những nhược điểm cố hữu khi phân tích tỷ trọng theo cách truyền thống. Đó là sử dụng giá mờ để đánh giá tầm quan trọng của dịch chuyển cơ cấu trong tăng trưởng khi phân tích chuyển dịch tỷ trọng, và có tính đến sự khác biệt về năng suất lao động giữa các ngành kinh tế (Timmer & de Vries, 2009).

De Vries & cộng sự (2015) đã phân tách các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ tăng năng suất lao động ở một số ngành kinh tế tại 11 quốc gia châu Phi khu vực cận Sahara trong giai đoạn 1960-2010. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra sự thay đổi mạnh mẽ trong việc tái phân bổ các nguồn lao động trong nền kinh tế của các quốc gia này từ những năm 1990, đặc biệt là sự tăng trưởng trong ngành dịch vụ, là do tác động của cải cách chính sách kinh tế định hướng thị trường và gia tăng thu nhập của người dân. Bên cạnh đó, sự dịch chuyển lao động ra khỏi ngành nông nghiệp đã thúc đẩy ngành dịch vụ mở rộng quy mô và tăng năng suất lao động. Tuy nhiên, năng suất lao động cận biên của ngành dịch vụ thấp đã khiến hiệu ứng dịch chuyển động mang giá trị âm. Timmer & Szirmai (2000) chỉ ra kết quả tương tự khi nghiên cứu các ngành công nghiệp sản xuất ở các quốc gia châu Á. McMillan & cộng sự (2014) cũng cho thấy sự dịch chuyển cấu trúc lao động gây tác động tiêu cực đến sự gia tăng năng suất lao động ở châu Mỹ La-tinh giai đoạn 1990-2005 và châu Á giai đoạn 1990-2000.

Với mục đích đánh giá tác động của dịch chuyển lao động từ ngành có năng suất thấp sang ngành có năng suất cao đến tăng trưởng kinh tế, nghiên cứu gần đây của Diao & cộng sự (2019) cũng khẳng định có sự khác biệt rất lớn về xu hướng dịch chuyển ở mỗi quốc gia. Trong khi, động lực tăng trưởng ở một số nền kinh tế khu vực Đông Á (như Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc) chủ yếu dựa vào quá trình công nghiệp hóa thì sự tăng trưởng ở châu Mỹ La-tinh lại nhờ tăng năng suất lao động nội ngành, đồng thời dịch chuyển cấu trúc lao động có tác động tiêu cực lên tăng trưởng, ngoại trừ ngành nông nghiệp. Điều đó có nghĩa là ở khu vực này, lao động đã dịch chuyển từ ngành có năng suất cao sang ngành có năng suất thấp. Ngược lại, Châu Phi lại tăng trưởng dựa vào sự chuyển dịch cấu trúc lao động, đặc biệt là ở một số quốc gia như Ethiopia, Malawi, Senegal, và Tanzania.

Ngược lại với kết quả tìm được của những nghiên cứu trên, nhiều nghiên cứu lại chứng minh tác động tích cực của dịch chuyển cấu trúc lao động đến năng suất lao động nói riêng và tăng trưởng kinh tế nói chung. Van Ark & Timmer (2003) chỉ ra rằng ở các nước có thu nhập thấp, sự tái phân bổ nguồn lực phát triển trong ngành nông nghiệp có xu hướng dịch chuyển sang ngành có nguồn lực tăng trưởng mạnh hơn. Trong khi đó, ở các nước phát triển thì sự dịch chuyển này lại hướng tới ngành dịch vụ, như tài chính, để đạt được sự tăng trưởng về năng suất lao động xã hội. Fan & cộng sự (2003) cũng chứng minh được vai trò quan trọng của dịch chuyển cơ cấu từ ngành có năng suất lao động thấp sang ngành có năng suất lao động cao đối với tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc.

Đo lường dịch chuyển cấu trúc thông qua phương pháp dịch chuyển cấu trúc hiệu quả (Effective Structural Change - ESC), Vu (2017) đã nhấn mạnh tính hiệu quả trong dịch chuyển cơ cấu lao động giữa các ngành kinh tế của 19 nền kinh tế khu vực châu Á trong 43 năm từ 1970 đến 2012. Kết quả nghiên cứu đã chứng minh tác động tích cực của dịch chuyển cấu trúc lao động hiệu quả đối với tăng năng suất lao động, năng suất yếu tố tổng hợp, thu nhập bình quân đầu người và lương.

Như vậy, có thể nhận thấy tác động của dịch chuyển cấu trúc lao động là rất khác nhau, có thể tác động tích cực, hoặc tiêu cực, tùy mẫu nghiên cứu và mức độ phát triển của nền kinh tế. Đây cũng chính là khoảng trống để nghiên cứu này đánh giá và so sánh mức độ ảnh hưởng của các thành tố tới tăng trưởng kinh tế nói chung và năng suất lao động nói riêng ở cấp độ địa phương Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để phân tích mức độ ảnh hưởng của các bộ phận cấu thành tới năng suất lao động, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích chuyên dịch tỷ trọng. Phương pháp này được đề xuất bởi Fabricant (1942) và đã được nhiều nghiên cứu sau này áp dụng và phát triển như Timmer & Szirmai (2000), Havlik (2005), Timmer & de Vries (2009). Theo đó, năng suất lao động - đo lường bằng tỷ lệ giữa tổng sản phẩm trên địa bàn với tổng số lao động đang làm việc trên địa bàn - được phân tách thành các hiệu ứng do tăng năng suất nội ngành và hiệu ứng do thay đổi cấu trúc. Cụ thể như sau:

Trong đó, phản ánh năng suất lao động của ngành i trong năm t ; GRDP là tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh năm t , EMP là số lao động đang làm việc trong năm t ; phản ánh tỷ trọng lao động đang làm việc trong ngành i so với tổng số lao động đang làm việc trong năm t . n là số ngành kinh tế được đưa vào phân tích. Sử dụng phương trình (1) để tính toán sai phân của năng suất lao động tổng hợp tại năm gốc 0 so với năm t , thực hiện biến đổi toán học ta có:

Vế trái của phương trình (3) thể hiện tốc độ năng suất lao động. Vế phải của phương trình phản ánh ba bộ phận cấu thành, tương ứng với thứ tự gồm: (i) hiệu ứng tăng năng suất lao động nội ngành (within-growth effect), (ii) hiệu ứng dịch chuyển tĩnh (static-shift effect) và (iii) hiệu ứng dịch chuyển động (dynamic-shift effect).

Cụ thể, hiệu ứng tăng năng suất lao động nội ngành phản ánh năng suất lao động được cải thiện trong nội bộ ngành kinh tế với giả định không có sự thay đổi về quy mô lao động đang làm việc tại ngành đó và sự

$$LP^t = \frac{GRDP^t}{EMP^t} = \sum_{i=1}^n \frac{GRDP^t * EMP_i^t}{EMP_i^t * EMP^t} = \sum_{i=1}^n LP_i^t * S_i^t \quad (1)$$

dịch chuyển cơ cấu lao động trong kỳ nghiên cứu. Thành phần này có thể được coi là nhân tố năng suất tổng hợp TFP bởi vì bên cạnh yếu tố chuyển dịch cơ cấu ngành, hiệu ứng tăng năng suất lao động còn là kết quả của quá trình ứng dụng tiến bộ công nghệ, cải tiến hiệu quả kỹ thuật thông qua cải tiến phương pháp quản trị, đào tạo, nâng cao chất lượng, tay nghề của người lao động (Nguyễn Thị Lan Hương, 2007). Tất cả ảnh hưởng của các yếu tố này đều được tính gộp trong hiệu ứng tăng năng suất lao động nội ngành.

$$LP^t - LP^0 = \sum_{i=1}^n (LP_i^t - LP_i^0) * S_i^0 + \sum_{i=1}^n LP_i^0 * (S_i^t - S_i^0) + \sum_{i=1}^n (LP_i^t - LP_i^0) * (S_i^t - S_i^0) \quad (2)$$

Chia cả hai vế của phương trình (2) cho LP^0 , ta có:

$$\begin{aligned} \frac{LP^t - LP^0}{LP^0} &= \frac{\sum_{i=1}^n (LP_i^t - LP_i^0) * S_i^0}{LP^0} + \frac{\sum_{i=1}^n LP_i^0 * (S_i^t - S_i^0)}{LP^0} \\ &+ \frac{\sum_{i=1}^n (LP_i^t - LP_i^0) * (S_i^t - S_i^0)}{LP^0} \end{aligned} \quad (3)$$

Hiệu ứng dịch chuyển tĩnh được tính bằng tổng mức chênh lệch tỷ trọng lao động của mỗi ngành trong kỳ nghiên cứu, sử dụng trọng số là giá trị năng suất lao động của ngành trong năm cơ sở. Hiệu ứng dịch chuyển tĩnh phản ánh mức tăng năng suất lao động do chuyển dịch lao động từ ngành có năng suất thấp sang những ngành có năng suất cao hơn. Trong trường hợp này, hiệu ứng nhận giá trị dương. Ngược lại, sự dịch chuyển lao động từ ngành có năng suất cao sang ngành có năng suất thấp sẽ khiến hiệu ứng dịch chuyển tĩnh nhận giá trị âm.

Thành phần cuối cùng là hiệu ứng dịch chuyển động. Hiệu ứng này được tính bằng tổng các tương tác giữa thay đổi năng suất lao động với thay đổi tỷ trọng lao động trong mỗi ngành kinh tế, sử dụng trọng số là giá trị năng suất lao động của ngành trong năm cơ sở. Nếu một ngành đồng thời có sự gia tăng về năng suất lao động và tỷ trọng lao động thì hiệu ứng dịch chuyển động sẽ tác động tích cực đến tổng năng suất lao động. Ngược lại, hiệu ứng này gây tác động tiêu cực khi ngành đó có tốc độ tăng năng suất lao động cao nhưng không duy trì được quy mô lao động như cũ. Trong trường hợp này, hiệu ứng dịch chuyển động sẽ được sử dụng để đánh giá giả thuyết của Baumol (1967) về “gánh nặng cơ cấu” khi tái phân bổ lực lượng lao động theo ngành trong nền kinh tế (Havlik, 2005). Cụ thể, giả thuyết được xây dựng nhằm dự báo mức độ dịch chuyển lao động từ ngành có tốc độ tăng năng suất lao động cao sang ngành có tốc độ tăng năng suất lao động thấp hơn.

Về số liệu phân tích, nghiên cứu sử dụng số liệu thứ cấp do Cục Thống kê tỉnh Hà Giang công bố qua các năm. Số liệu thứ cấp này liên quan chủ yếu đến tình hình kinh tế (tổng sản phẩm trên địa bàn) và số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc phân theo ngành kinh tế của tỉnh Hà Giang trong giai đoạn 2015-2019. Nghiên cứu cũng sử dụng số liệu GDP và số lao động phân theo ngành kinh tế của Việt Nam từ cơ sở dữ liệu của Tổng cục Thống kê là cơ sở so sánh về năng suất lao động.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng năng suất lao động của tỉnh Hà Giang

Năng suất lao động tỉnh Hà Giang trong giai đoạn 2015-2019 được thể hiện trong Bảng 1. Kết quả cho thấy năng suất lao động có xu hướng tăng dần về giá trị, từ 30,99 triệu đồng năm 2015 lên 42,96 triệu đồng năm 2019. Nếu tính theo giá so sánh 2010, giá trị năng suất lao động vẫn theo xu hướng tăng nhẹ, từ 20,6 triệu đồng năm 2015 lên 24,95 triệu đồng năm 2019, tuy nhiên tốc độ tăng không đồng đều. Mặc dù năng

suất có tăng tính theo cả giá hiện hành và giá so sánh, nhưng năng suất lao động của Hà Giang thấp hơn rất nhiều so với mức năng suất lao động trung bình chung của cả nước, chỉ bằng một phần nhỏ nếu so sánh tương ứng từng năm. Trong cả giai đoạn 2015-2019, tốc độ tăng năng suất lao động bình quân hàng năm chỉ đạt 5,33%/năm, thấp hơn nhiều so với mức tăng 6,08%/năm năng suất lao động toàn xã hội bình quân cả nước.

Khi phân tích năng suất lao động theo các ngành kinh tế, kết quả nghiên cứu cho thấy năng suất lao động trong các lĩnh vực sản xuất nông - lâm - thủy sản, công nghiệp - xây dựng, và dịch vụ của tỉnh Hà Giang có sự biến động trong giai đoạn 2015-2019 (Hình 1). Trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng có năng suất lao động ở mức cao nhất, nhưng có sự tăng giảm liên tục, từ 147,6 triệu đồng/người năm 2015 tăng lên 157,8

Bảng 1: Năng suất lao động của Hà Giang so với mức trung bình của cả nước

Năm	Năng suất lao động (Triệu đồng/người, giá hiện hành)		Năng suất lao động (Triệu đồng/người, giá so sánh 2010)		Tốc độ tăng Năng suất lao động (%)	
	Hà Giang	Cả nước	Hà Giang	Cả nước	Hà Giang	Cả nước
2015	30,99	71,03	20,60	47,94	6,98	6,09
2016	33,08	75,93	21,11	50,68	2,46	5,72
2017	36,55	83,89	22,65	53,80	7,28	6,15
2018	39,13	91,92	23,31	57,07	2,95	6,07
2019	42,96	99,50	24,95	60,69	7,01	6,35
Bình quân 2015-2019	-	-	-	-	5,33	6,08

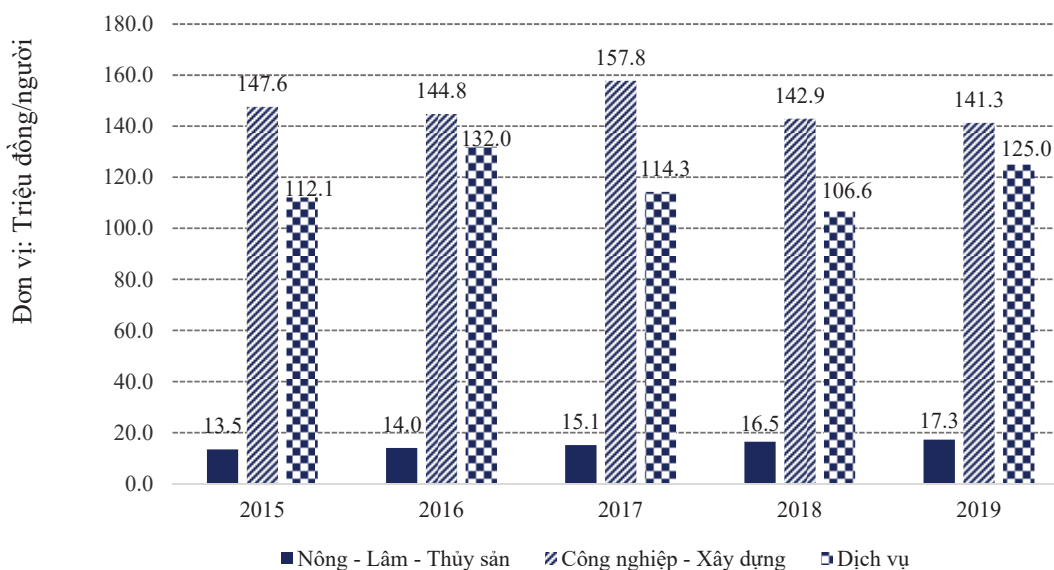
Ghi chú: Năng suất lao động = GRDP (không bao gồm Thuế trừ trợ cấp sản phẩm)/Số lao động đang làm việc. 2019: Số liệu sơ bộ

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu công bố bởi Cục Thống kê tỉnh Hà Giang (2020) và Tổng cục Thống kê (2020).

triệu đồng/người năm 2017, rồi dần giảm xuống còn 141,3 triệu đồng/người năm 2019.

Ở khu vực dịch vụ, năng suất lao động có thấp hơn, nhưng không thể hiện rõ xu hướng, từ 112,1 triệu đồng/người năm 2015 tăng lên 132,0 triệu đồng/người năm 2016, theo đà giảm mạnh trong hai năm tiếp theo và dần hồi phục lên 125 triệu đồng/người năm 2019. Đối với lĩnh vực nông - lâm - thủy sản, mặc dù năng suất lao động theo xu hướng tăng đều, từ 13,5 triệu đồng/người năm 2015 lên 17,3 triệu đồng/người năm

Hình 1: Năng suất lao động theo khu vực kinh tế tỉnh Hà Giang theo giá hiện hành



Ghi chú: (i) Năng suất lao động = GRDP (không bao gồm Thuế trừ trợ cấp sản phẩm)/Số lao động đang làm việc theo khu vực kinh tế; (ii) Năm 2019: Số liệu sơ bộ.

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu công bố bởi Cục Thống kê tỉnh Hà Giang năm (2020).

2019. Tuy nhiên, năng suất này hiện đang ở mức rất thấp và chỉ bằng một phần nhỏ so với năng suất trong lĩnh vực dịch vụ, kém xa so với năng suất trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng. Một trong những nguyên nhân khiến năng suất lao động thấp là do tỷ trọng lao động đang làm việc trong lĩnh vực nông - lâm - thủy sản rất cao, chiếm tới trên 80% tổng số lao động toàn tỉnh. Hơn nữa, xuất phát điểm của Hà Giang là địa bàn có nhiều xã miền núi thuộc diện khó khăn, tỷ lệ lao động qua đào tạo còn ở mức trung bình, địa hình và giao thông đi lại phức tạp, do vậy gây ảnh hưởng đến sự tăng năng suất lao động xã hội trên toàn tỉnh. Bên cạnh đó, năng suất lao động trong nông nghiệp thấp so với ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ cũng phần ảnh hưởng khác biệt về bản chất của mỗi ngành sản xuất vật chất, chênh lệch cơ hội thu hút đầu tư và mức độ

Bảng 2: Đóng góp của các yếu tố vào tăng năng suất lao động tỉnh Hà Giang

Đơn vị: %

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	Trung bình 2015-2019
Điểm phần trăm						
Tốc độ tăng năng suất lao động	6,98	2,46	7,28	2,95	7,01	5,33
Tăng năng suất lao động nội ngành	2,93	4,12	-3,56	-5,75	5,93	0,74
Hiệu ứng dịch chuyển tĩnh	4,29	-1,07	13,27	9,99	1,62	5,62
Hiệu ứng dịch chuyển động	-0,25	-0,59	-2,43	-1,29	-0,54	-1,02
Tỷ trọng (%)						
Tốc độ tăng năng suất lao động	100	100	100	100	100	100
Tăng năng suất lao động nội ngành	42,0	167,9	-48,9	-194,9	84,7	10,2
Hiệu ứng dịch chuyển tĩnh	61,5	-43,7	182,3	338,8	23,1	112,4
Hiệu ứng dịch chuyển động	-3,5	-24,2	-33,4	-43,9	-7,8	-22,6

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu công bố bởi Cục Thống kê tỉnh Hà Giang (2020).

áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong mỗi ngành.

4.2. Phân tích tác động của các yếu tố đến năng suất lao động của tỉnh Hà Giang

Kết quả phân tích mức độ tác động của các thành tố tới năng suất lao động tỉnh Hà Giang bằng phương pháp phân tích chuyển dịch tỷ trọng được thể hiện trong Bảng 2.

Kết quả tính toán cho thấy các yếu tố đóng góp vào tăng năng suất lao động của tỉnh Hà Giang có sự biến động rất khác nhau. Trung bình giai đoạn 2015-2019, yếu tố tăng năng suất lao động nội ngành làm năng suất lao động của tỉnh tăng 0,74 điểm phần trăm, tương ứng với mức đóng góp 10,2% tốc độ tăng năng suất lao động toàn tỉnh, trong khi yếu tố hiệu ứng dịch chuyển tĩnh làm tăng tới 5,62 điểm phần trăm, tương ứng với mức đóng góp 112,4%. Như vậy, quá trình ứng dụng tiến bộ công nghệ, cải tiến hiệu quả kỹ thuật nhằm tăng năng suất lao động của tỉnh Hà Giang mặc dù có sự chuyển biến nhưng vẫn còn rất chậm. Trong khi đó, sự dịch chuyển lao động từ ngành có năng suất thấp và hiện đang dư thừa quá nhiều lao động (nông - lâm - thủy sản) sang ngành có năng suất cao hơn (công nghiệp và xây dựng, dịch vụ) diễn ra rất mạnh mẽ. Đặc biệt hiệu ứng dịch chuyển này đóng góp tới xấp xỉ 339% tốc độ tăng năng suất lao động của tỉnh Hà Giang riêng năm 2018, khi số lượng lao động trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và ngành xây dựng tăng đột biến.

Hiệu ứng dịch chuyển động gây ra tác động tiêu cực đến năng suất lao động của tỉnh Hà Giang trong cả giai đoạn 2015-2019 với giá trị -1,02 điểm phần trăm, tương ứng với tỷ lệ đóng góp -22,6%. Tác động ngược chiều này phản ánh sự thay đổi tỷ trọng lao động không tương xứng với sự gia tăng năng suất lao động trong các ngành kinh tế và cũng khẳng định giả thuyết gánh nặng cơ cấu trong quá trình tái phân bổ lực lượng lao động theo ngành. Khi tính theo giá so sánh 2010, trong khi năng suất lao động ngành nông - lâm - thủy sản theo xu hướng tăng dần thì năng suất lao động của hai nhóm ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ lại biến động và có sự sụt giảm mạnh từ năm 2017. Nguyên nhân được giải thích bởi quá trình thực hiện các biện pháp hiện đại hóa nông nghiệp của tỉnh Hà Giang như ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là các sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh xuất khẩu như chè, đã góp phần dần dần giải phóng lực lượng lao động, tạo nên sự chuyển dịch lao động từ ngành này sang các ngành có năng suất cao hơn. Đối với ngành công nghiệp - xây dựng, do có sự dịch chuyển lao động sang cùng với việc sử dụng nhiều lao động hơn so với vốn đầu tư để tạo giá trị gia tăng nên tốc độ tăng năng suất lao động không nhanh. Đây cũng chính là biểu hiện của gánh nặng cơ cấu mà một số nghiên cứu về xu hướng dịch chuyển tỷ

trọng cơ cấu ngành kinh tế trên phạm vi toàn quốc chỉ ra (như Nguyễn Quốc Tế & Nguyễn Thị Đông, 2013). Chỉ khi có sự thay đổi tích cực về tốc độ tăng năng suất lao động trong các ngành này, thì sẽ không còn gánh nặng cơ cấu và hiệu ứng dịch chuyển động sẽ mang giá trị dương. Kết quả này cũng tương đồng với kết quả của các nghiên cứu trước đây như De Vries & cộng sự (2015), McMillan & Rodrik (2011) khi phân tách tác động của hiệu ứng dịch chuyển động đối với năng suất lao động của một số quốc gia đang phát triển.

5. Kết luận và đề xuất giải pháp

Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế theo hướng bền vững, thúc đẩy tăng trưởng năng suất lao động là một trong những thước đo quan trọng. Không chỉ giúp địa phương nhìn nhận và đánh giá hiệu quả phát triển kinh tế tổng thể, năng suất lao động còn là tiêu chí so sánh mức độ chuyên dịch cơ cấu lao động giữa các ngành trong nền kinh tế. Nghiên cứu này đã phân tích đặc điểm năng suất lao động tỉnh Hà Giang xét về tổng thể và từng ngành kinh tế. Nghiên cứu cũng sử dụng phương pháp phân tích chuyên dịch tỷ trọng để đánh giá mức độ ảnh hưởng của các bộ phận cấu thành tới tốc độ tăng năng suất lao động tỉnh Hà Giang trong 5 năm từ 2015 đến 2019.

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra xu hướng tăng dần về năng suất lao động của toàn tỉnh, nhưng giá trị và tốc độ tăng năng suất vẫn còn khá thấp. Nếu phân tích từng lĩnh vực kinh tế thì thấy có sự khác biệt rõ rệt về năng suất lao động của mỗi ngành. Cụ thể, năng suất lao động trong lĩnh vực nông - lâm - thủy sản rất thấp, trong khi năng suất lao động của lĩnh vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ cao hơn, tuy nhiên sự biến động tăng giảm không thể hiện rõ xu thế. Điều này phản ánh tác động của chính sách chuyên dịch cơ cấu lao động và các định hướng chuyên dịch cơ cấu kinh tế đến tăng năng suất lao động của tỉnh Hà Giang còn chưa rõ nét trong giai đoạn 2015-2019.

Sử dụng phương pháp phân tích chuyên dịch tỷ trọng cho thấy tăng trưởng năng suất lao động tỉnh Hà Giang là do sự dịch chuyển lao động từ lĩnh vực có năng suất thấp sang lĩnh vực có năng suất cao hơn. Chính sự dịch chuyển này cũng là hệ quả của việc dịch chuyển cơ cấu ngành kinh tế một cách cơ học. Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới chịu tác động của nhiều yếu tố, để nâng cao năng suất lao động và thực hiện mục tiêu xây dựng cơ cấu kinh tế hiệu quả và bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang, chúng tôi đề xuất một số định hướng chính sách như sau:

Tinh cần rà soát, đánh giá lại kế hoạch phát triển tổng thể kinh tế xã hội, trong đó nên tập trung vào việc điều chỉnh lao động từ khu vực có hiệu quả kinh tế thấp sang lĩnh vực có năng suất lao động cao hơn. Lưu ý sự chuyên dịch lao động từ khu vực nông nghiệp sang các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ theo hướng bền vững nhằm gia tăng năng suất lao động nhờ sự tái phân bổ các nhân tố giữa các ngành trong nền kinh tế thông qua hiệu ứng nội ngành và hiệu ứng dịch chuyển tỉnh. Phần lớn tăng trưởng năng suất lao động của tỉnh là dựa trên sự tăng trưởng của khu vực dịch vụ và công nghiệp trong khi đó khu vực nông nghiệp đóng góp thấp hơn mặc dù chiếm tỷ trọng cao hơn.

Đối với Hà Giang, lĩnh vực quan trọng vẫn là nông nghiệp cần được ưu tiên phát triển hàng đầu, lại có năng suất lao động chưa cao. Vì vậy cần đầu tư vào khoa học công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp để gia tăng năng suất lao động của khu vực này. Cần có biện pháp khuyến khích đối với những phát minh, sáng chế mang lại hiệu quả kinh tế và gia tăng năng suất lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Tỉnh có thể chọn các giải pháp phù hợp để tập trung phát triển nông nghiệp nông thôn dưới nhiều hình thức, trong đó chú trọng vai trò của các hợp tác xã nhằm mang lại hiệu quả kinh tế tập thể, thu hút nhiều người dân cùng tham gia phát triển sản xuất, góp phần ổn định đời sống và phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Nghiên cứu đưa ra một bằng chứng thực nghiệm để các lãnh đạo tỉnh có thể tham khảo và đưa ra các quyết định chính sách nhằm chuyển đổi và tái cấu trúc nền kinh tế của tỉnh trong dài hạn, nhằm gia tăng năng suất lao động theo cả chiều rộng và chiều sâu nhờ cả hiệu ứng nội ngành (tăng cường năng lực công nghệ) và hiệu ứng dịch chuyển (mở rộng các yếu tố sản xuất). Tuy vậy, nghiên cứu mới chỉ thực hiện tính toán và phân tích số liệu trong giai đoạn 5 năm gần đây ở ba khu vực chính của nền kinh tế. Đây là một gợi mở cho các nghiên cứu tiếp theo trong việc phân tích năng suất lao động theo từng nhóm ngành nhỏ hơn hoặc theo các khu vực kinh tế để mang lại những góc nhìn cụ thể hơn về chất lượng tăng trưởng năng suất lao động của địa phương so với các vùng khác có điều kiện tương đồng. Bên cạnh đó, áp dụng phương pháp phân tích chuyên dịch tỷ trọng cũng có nhược điểm nhất định. Phương pháp này không lý giải được giả định vì sao tăng năng suất lao động nội ngành lại độc lập với dịch chuyển cấu trúc lao động. Chính vì vậy, việc áp dụng phương pháp dịch chuyển cấu trúc hiệu quả (Effective structural change - ESC) do Vu (2017) đề xuất kết hợp với sử dụng dữ liệu cấp tỉnh của Việt Nam là gợi mở khá phù hợp với những nghiên cứu kế tiếp.

Ghi chú:

Báo cáo số 521/BC-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang về kết quả thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020.

Tài liệu tham khảo

- Arvanitis, S. (2005), 'Models of labor flexibility at firm level: Are there any implications for performance and innovation? Evidence for the Swiss economy', *Industrial and Corporate Change*, 14(6), 993-1016.
- Baumol, W.J. (1967), 'Macroeconomics of unbalanced growth: The anatomy of urban crisis', *The American Economic Review*, 57(3), 415-426.
- Cục Thống kê tỉnh Hà Giang (2020), *Niên giám thống kê tỉnh Hà Giang 2019*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- De Vries, G., Timmer, M. & de Vries, K. (2015), 'Structural transformation in Africa: Static gains, dynamic losses', *The Journal of Development Studies*, 51(6), 674-688.
- Diao, X., McMillan, M. & Rodrik, D. (2019), 'The recent growth boom in developing economies: A Structural-change perspective', in *The Palgrave Handbook of Development Economics*, Nissanke, M. & Ocampo, J. (Eds.), Palgrave Macmillan, Cham.
- Fabricant, S. (1942), *Employment in manufacturing, 1899-1939: An analysis of its relation to the volume of production*, National Bureau of Economic Research, Inc., New York.
- Fan, S., Zhang, X. & Robinson, S. (2003), 'Structural change and economic growth in China', *Review of Development Economics*, 7(3), 360-377.
- Havlik, P. (2005), 'Structural change, productivity and employment in the New EU member states', *WIIW Research Reports No. 313*, The Vienna Institute for International Economic Studies, Vienna.
- Kurt, S. & Kurt, U. (2015), 'Innovation and labor productivity in BRICS countries: Panel causality and co-integration', *Procedia – Social and Behavioral Sciences*, 195, 1295-1302.
- Kuznet, S. (1979), 'Growth and structural shift', in *Economic Growth and Structural Change in Taiwan. The Postwar Experience of the Republic of China*, Galeson, W. (Ed.), Cornell University Press, London, 15-131.
- Maddison, A. (1987), 'Growth and slowdown in advanced capitalist economies: Techniques of Quantitative Assessment', *Journal of Economic Literature*, 25, 649-698.
- McMillan, M.S. & Rodrik, D. (2011), 'Globalization, structural change and productivity growth', *NBER Working Paper No. w17143*, National Bureau of Economic Research, New York.
- McMillan, M.S., Rodrik, D. & Verduzco-Gallo, I. (2014), 'Globalization, structural change, and productivity growth, with an update on Africa', *World Development*, 63, 11-32.
- Nguyễn Đức Thành (2018), 'Tăng trưởng năng suất lao động của Việt Nam đang chuyển dần từ phụ thuộc vào cường độ vốn sang TFP', *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, 10, 8-10.
- Nguyễn Quốc Tế & Nguyễn Thị Đông (2013), 'Đo lường tăng năng suất lao động ở Việt Nam bằng phương pháp phân tích tỉ trọng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế', *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, 273, 17-25.
- Nguyễn Thị Lan Hương (2007), 'Phân tích tác động của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tới tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam', *Nghiên cứu Kinh tế*, 353, 3-11.
- Timmer, M.P. & de Vries, G.J. (2009), 'Structural change and growth accelerations in Asia and Latin America: A new sectoral data set', *Cliometrica*, 3, 165-190.
- Timmer, M.P. & Szirmai, A. (2000), 'Productivity growth in Asian manufacturing: The structural bonus hypothesis examined', *Structural Change and Economic Dynamics*, 11, 371-392.
- Tổng cục Thống kê Việt Nam (2020), *Niên giám thống kê Việt Nam 2019*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Van Ark, B. & Timmer, M. (2003), 'Asia's productivity performance and potential: The contribution of sectors and structural change', presentation at the *RIETI-KEIO Conference on Japanese Economy: Leading East Asia in the 21st Century*, Tokyo, May 30th.
- Vũ Minh Khương (2016), 'Việt Nam và bài toán năng suất trong nỗ lực đẩy mạnh công cuộc phát triển kinh tế', *Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội*, 32 (18), 190-201.
- Vu, K.M. (2017), 'Structural change and economic growth: Empirical evidence and policy insights from Asian economies', *Structural Change and Economic Dynamics*, 41, 64-77.